

Nghiên cứu chiến lược học tập các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh (EMI) của sinh viên

Ngô Lê Hoàng Phương*, Nguyễn Thị Phương Lan*

*Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Received: 4/6/2024; Accepted: 12/6/2024; Published: 17/6/2024

Abstract: English-medium instruction (EMI) programmes have become more and more popular in Vietnamese higher education. Previous studies have reported a number of challenges that students face in their EMI learning journey, underlining the necessity to develop appropriate learning strategies to complete their programmes. Accordingly, this study focuses on students' learning strategies in three EMI programmes at a university located in the centre of Vietnam. Data was collected via focus groups with 20 students and then analysed based on thematic analysis. The findings show that students employ different learning strategies which can be classified into three groups: before class, during class, and after class.

Keywords: EMI, learning strategies, students, Vietnam

1. Đặt vấn đề

Quốc tế hoá giáo dục đại học (Internationalisation of higher education) là một xu thế được nhấn mạnh trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng. Một trong những chiến lược quốc tế hoá giáo dục đại học phổ biến chính là việc sử dụng Tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy (English as a medium of instruction, viết tắt là EMI). Trong những năm qua, số lượng các chương trình EMI đã tăng lên đáng kể ở Việt Nam. Các chương trình EMI ở Việt Nam có thể được chia thành hai loại chính là chương trình nước ngoài và chương trình nội địa.

Cùng với sự phổ biến rộng rãi của mình, EMI đã trở thành một đề tài nghiên cứu thu hút được sự chú ý của các nhà khoa học trong và ngoài nước. Các nghiên cứu trước đây tập trung vào các mảng chính như: động lực theo học các chương trình EMI của sinh viên (SV), những khó khăn của SV trong việc học và của giảng viên (GV) trong việc dạy các học phần chuyên ngành bằng tiếng Anh, vai trò của tiếng Việt trong các lớp học EMI, chiến lược giảng dạy và chiến lược học tập ở các chương trình này, hay quá trình tương tác giữa GV và SV trong các bài học EMI; Ở Việt Nam, các nghiên cứu về EMI chủ yếu tập trung ở các trường đại học lớn ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, trong khi hiện nay các trường đại học địa phương hay khu vực cũng đang dần triển khai các chương trình EMI. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành tại Đại học Huế nhằm tìm hiểu về chiến lược học tập của SV ở ba chương trình EMI khác nhau.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Định nghĩa về các chương trình EMI

Có nhiều cách định nghĩa khái niệm các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh, trong số đó định nghĩa của Macaro (2018) được sử dụng khá rộng rãi. Theo đó, EMI được hiểu là những chương trình sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ giảng dạy cho các môn chuyên ngành ở các quốc gia hay vùng lãnh thổ mà tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ ở đó. Định nghĩa này không bao gồm các chương trình giảng dạy ở các quốc gia như Anh, Úc hay Mỹ, nơi có số lượng GV và SV quốc tế ngày một nhiều và vì vậy, tiếng Anh được sử dụng như ngôn ngữ giao tiếp trong một xã hội đa ngôn ngữ (English as a lingua franca) hơn là tiếng Anh của người bản xứ (English as a native language). Do bối cảnh của nghiên cứu này là Việt Nam nên định nghĩa của Macaro (2018) hoàn toàn phù hợp và được sử dụng ở đây.

2.2. Khó khăn của SV trong các chương trình EMI

Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra rằng SV đối mặt với vô số khó khăn trong quá trình theo học các chương trình EMI, trong đó trình độ tiếng Anh hạn chế của người học là trở ngại lớn nhất. Trong nghiên cứu của Cho (2012), các SV Hàn Quốc theo học các chương trình EMI đều than phiền về trình độ tiếng Anh thấp khiến cho việc hiểu bài chỉ có thể đạt đến mức 60%. SV cũng thiếu vốn từ tiếng Anh học thuật và ngôn ngữ chuyên ngành (Hu & Lei, 2014). Kết quả tương tự cũng được chỉ ra ở các nghiên cứu tại Việt Nam. Galloway và Sahan (2021) cho rằng, trình độ tiếng Anh của SV ảnh hưởng đến khả năng hiểu bài trong các chương trình EMI. Các vấn đề liên quan đến khả năng ngôn ngữ được tìm thấy trong nghiên cứu này gồm: hiểu từ vựng, hiểu bài giảng, hiểu được đề thi, viết, đọc, và giao tiếp bằng tiếng Anh.

2.3. Chiến lược học tập của SV trong các chương trình EMI

Từ những khó khăn mà SV gặp phải khi theo học các chương trình EMI, việc tìm ra được các chiến lược học tập của SV có ý nghĩa quan trọng. Hai tác giả Richards và Pun (2022) đã tổng hợp các chiến lược của SV EMI và cho thấy, SV sẽ có những chiến lược học tập riêng để phát triển cả bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết bằng tiếng Anh đối với các học phần chuyên ngành của họ.

Ở Việt Nam, số lượng các nghiên cứu tập trung vào chiến lược học tập của SV EMI chưa nhiều so với các nghiên cứu về những chủ đề khác. Lưu và Hoàng (2022) đã nghiên cứu chiến lược học tập của 36 SV năm ba chuyên ngành Kinh tế quốc tế và Logistics thông qua bảng hỏi dạng mở và phỏng vấn cá nhân. Các chiến lược này được chia ra làm ba nhóm: trước khi lên lớp, trong khi ở lớp và sau buổi học. Trước khi lên lớp, SV chuẩn bị bằng cách tìm hiểu tài liệu học tập, tìm các tài liệu liên quan bằng tiếng Việt, và tra từ điển để hiểu nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành mới. Trong quá trình học tập ở lớp, SV ghi chép bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt, sử dụng kỹ năng đoán nghĩa dựa vào ngữ cảnh, sử dụng các sơ đồ, hình vẽ minh họa và ví dụ, và nhờ GV hoặc bạn cùng lớp giải thích thêm. Sau mỗi bài giảng, SV sử dụng các chiến lược như nghe lại bản thu âm của bài giảng để hiểu bài hơn và nhờ các anh chị khóa trước giải thích thêm nội dung bài học. SV trong nghiên cứu của Phạm và Barnett (2022) cũng sử dụng những chiến lược học tập tương tự. Bên cạnh đó, họ còn sử dụng mạng xã hội Facebook để tạo ra diễn đàn thảo luận các vấn đề liên quan đến tài liệu học tập hay hỗ trợ nhau trong cách tiếp cận văn phong viết học thuật. Tuy nhiên, số lượng các nghiên cứu tập trung vào chiến lược học tập vẫn chưa nhiều.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

2.4.1. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu tập trung làm rõ các chiến lược học tập trong các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh của SV ở ba chương trình EMI bậc cử nhân ở một trường đại học khu vực nằm ở miền Trung Việt Nam, gồm chương trình Quản trị kinh doanh, chương trình Quản hệ quốc tế và chương trình Hoa Kỳ học. Tổng cộng có 20 SV tham gia 05 cuộc phỏng vấn nhóm. Đây là những SV năm ba và năm tư, có khoảng thời gian học tập ở chương trình EMI đa dạng và nhiều kinh nghiệm hơn so với nhóm SV năm một và năm hai.

2.4.2. Công cụ thu thập dữ liệu

Phỏng vấn nhóm được chọn làm công cụ thu thập

dữ liệu vì đây là một hình thức giúp cho khách thể tham gia nghiên cứu có thể thấy thoải mái và không chịu nhiều áp lực trong quá trình chia sẻ thông tin. Phỏng vấn nhóm được tiến hành cả theo hình thức trực tiếp và trực tuyến, tùy thuộc vào việc sắp xếp thời gian và địa điểm phù hợp cho SV và nhóm nghiên cứu. Phỏng vấn được tiến hành bằng tiếng Việt và thu âm qua điện thoại (trực tiếp) và qua nền tảng Zoom (trực tuyến). Thời gian trung bình của các cuộc phỏng vấn nhóm là khoảng 40 phút.

2.4.3. Phương pháp phân tích dữ liệu: Dữ liệu từ phỏng vấn nhóm được chép thành dạng văn bản ở Word, sau đó được nhập vào phần mềm Nvivo để hỗ trợ cho quá trình phân tích, nghiên cứu kỹ và chia thành các ý chính và ý phụ theo phương pháp phân tích theo chủ đề (thematic analysis).

2.4.4. Kết quả nghiên cứu: SV trong nghiên cứu gặp những khó khăn như khả năng hiểu bài hay vốn từ vựng chuyên ngành hạn chế. Tuy nhiên, họ cũng có những chiến lược học tập để có thể theo kịp các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh. Tương tự như kết quả tìm thấy từ nghiên cứu của Lưu và Hoàng (2022), những chiến lược học tập của SV ở ba chương trình này có thể được chia thành ba nhóm: trước buổi học, trong buổi học và sau buổi học.

a. Trước buổi học: SV chia sẻ rằng, việc chuẩn bị bài trước khi đến lớp của họ đóng vai trò vô cùng quan trọng, giúp họ có thể theo dõi được bài giảng một cách thuận tiện và đồng thời, có thể đóng góp vào quá trình tương tác ở lớp học giữa GV và SV. Việc chuẩn bị cụ thể gồm các đầu công việc như:

- Tra nghĩa của các thuật ngữ và từ vựng chuyên ngành.

- Tìm các ví dụ giải thích ý nghĩa của các thuật ngữ, từ vựng chuyên ngành để có thể hiểu bài dễ hơn và sâu hơn trên Internet. Ví dụ có thể bằng cả tiếng Anh và tiếng Việt.

- Đọc bài được giao về nhà (nếu có) hoặc đọc tài liệu học tập được quy định sẵn.

- Sử dụng Google Dịch hoặc các ứng dụng trực tuyến khác để hỗ trợ đọc bài ở nhà.

Ví dụ:

Theo phương pháp học tập của tụi em thì nên đọc bài trước, nghiên cứu bài kỹ trước khi đến lớp. Đó là một lợi thế để có thể hiểu được bài nhiều hơn (SV1. Quản trị kinh doanh)

Việc sử dụng tiếng Việt trong quá trình chuẩn bị bài ở nhà là chiến lược chủ yếu của SV tham gia nghiên cứu này. Việc sử dụng tiếng Việt để đọc bài, SV cũng chia sẻ việc sử dụng tiếng Việt khi hoàn

thành những phần đánh giá như thuyết trình, bài kiểm tra nhanh, bài tập viết ở nhà. Bên cạnh đó, có ba SV nhắc đến việc tìm thêm tài liệu liên quan đến chuyên ngành để đọc. Các SV này đều tự đánh giá năng lực ngôn ngữ của mình tốt và có mong muốn học tiếp lên bậc học cao hơn.

b. Trong buổi học: Trong buổi học, việc ghi chép bài giảng là một nhiệm vụ rất quan trọng. Đa phần SV tiết lộ rằng vở ghi chép của các em có đủ hai thứ tiếng. Ngoài ra, một số SV cũng sử dụng kỹ thuật vẽ sơ đồ, hình vẽ minh họa, ghi chép ví dụ. Bên cạnh đó, các SV có kết quả học tập tốt cũng cho rằng, trong quá trình học các môn chuyên ngành, việc mạnh dạn hỏi GV những điểm chưa hiểu hay yêu cầu GV nói chậm lại, lặp lại những phần chưa rõ, cũng là một chiến lược quan trọng để giúp các bạn nắm bắt được kiến thức cần thiết. Trong một số tình huống, SV nên mạnh dạn yêu cầu GV giải thích bằng tiếng Việt.

Ví dụ:

Dạ hỏi thầy cô thì lúc đầu cũng sợ, nhưng mà sau đó em thấy hỏi ngay lúc đó thì mình đỡ thắc mắc và bực bội vì học xong mà không hiểu gì hết. Mà em thấy thầy cô cũng thích vậy hơn, vì đỡ mất công cho thầy cô nữa. Có lúc em hiểu bài rồi mà em thấy cái đó hơi khó em cũng giơ tay lên hỏi, để thầy cô giảng lại cho mấy bạn yếu yếu trong lớp (SV4. Quản trị kinh doanh).

Bên cạnh đó, một số SV cũng nhắc tới việc sử dụng quyền trợ giúp từ bạn bè. Với việc hỏi bạn bè, SV cảm thấy thoải mái và đỡ áp lực hơn so với việc hỏi thầy cô. Cách này lại được các bạn tự đánh giá năng lực ngôn ngữ thấp áp dụng nhiều hơn.

c. Sau buổi học: SV không nhắc đến quá nhiều chiến lược mà các em áp dụng sau buổi học cho các môn chuyên ngành bằng tiếng Anh. Chiến lược thường được sử dụng trong các nghiên cứu trước đây là ghi âm lại bài giảng và nghe lại bài giảng (Pham & Barnette, 2022; Richards & Pun, 2022) cũng không được tìm thấy trong nghiên cứu này. Trong khi đó, dữ liệu phỏng vấn nhóm cho thấy một số SV thường dành thời gian để xem lại phần slides bài giảng của GV. Slides có thể được GV chia sẻ qua hệ thống học tập trực tuyến của trường hoặc do SV chụp ảnh lại slides trong khi học ở lớp. SV cũng có lập ra các nhóm học tập trực tiếp hoặc lập các nhóm Zalo hoặc Messenger nhỏ để chia sẻ bài vở, hỗ trợ nhau học tập. Các nhóm này thường được sử dụng cho mục đích chính là chuẩn bị các bài tập thuyết trình, ôn tập kiểm tra và hoàn thành bài tập về nhà có tính điểm hơn là để ôn lại bài học cũ và chuẩn bị bài học mới.

3. Kết luận

Nghiên cứu này tập trung tìm hiểu về các chiến lược học tập của SV của ba chương trình EMI ở một trường đại học ở miền trung Việt Nam. Có thể thấy, SV gặp khó khăn trong việc học hoàn toàn bằng tiếng Anh, nhưng cũng đã tự tìm ra cho mình những chiến lược học tập phù hợp để đạt được cả kiến thức chuyên ngành và nâng cao năng lực ngoại ngữ của bản thân. Các chiến lược học tập được tìm thấy trong nghiên cứu này có nhiều điểm tương đồng với các chiến lược của 36 SV trong nghiên cứu của Lưu và Hoàng (2022). Việc tận dụng mạng xã hội được tìm thấy trong nghiên cứu này cũng tương tự với kết quả của Phạm và Barnett (2022). Nghiên cứu này chỉ ra tầm quan trọng của việc hỗ trợ, định hướng của các nhà quản lý, đơn vị công tác SV và GV để SV trong các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh để SV có thể tìm ra được chiến lược học tập phù hợp với bản thân.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Cho, D. W. (2012). English-medium instruction in the university context of Korea: Trade-off between teaching outcomes and media-initiated university ranking. *The Journal of Asia TEFL*, 9(4), 135-163.
- [2]. Galloway, N., & Sahan, K. (2021). An investigation into English Medium Instruction in higher education in Thailand and Vietnam. *British Council*.
- [3]. Hu, G., Li, L., & Lei, J. (2014). English-medium instruction at a Chinese university: Rhetoric and reality. *Language Policy*, 13, 21-40.
- [4]. Luu, T. Q. H., & Hoang, T. N. D. (2022). Student Strategies in an Undergraduate English-Medium Business Course: A Vietnamese Case Study. In T. Pham & J. Barnett (eds). *English medium instruction practices in Vietnamese universities: Institutional, practitioner and student perspectives* (pp. 211-225). Springer Nature Singapore.
- [5]. Pham, T., & Barnett, J. (2022). Student Experiences of Institutional and Practitioner Decision-Making in Vietnamese Undergraduate English-Medium Programs: Agency at the Intersection of Policy, Curriculum and Pedagogy. In T. Pham & J. Barnett (eds.) *English Medium Instruction Practices in Vietnamese Universities: Institutional, Practitioner and Student Perspectives* (pp. 179-193). Springer Nature Singapore.
- [6]. Richards, J. C., & Pun, J. (2022). Teacher strategies in implementing English medium instruction. *ELT Journal*, 76(2), 227-237.